

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển. Cán bộ hưu trí huyện Krông Pắc.
2. Ông Phạm Xuân Mỹ. Hiệu trưởng trường dân tộc nội trú huyện Krông Pắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 296/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm: 1991. (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp K, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Lê Đăng Đ, sinh năm: 1983. (Vắng mặt).

Nơi đang ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, bản tự khai ngày 30/11/2017, biên bản hòa giải ngày 07/3/2018, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Mai Thị H) và anh Lê Đăng Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu, tự nguyện. Ngày 17/7/2008 chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm, đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Lê Đăng Đ ghen tuông vô cớ nên đã đánh đập tôi thường xuyên, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của tôi và cha mẹ đẻ của tôi. Tôi đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tháng 10 năm 2016 tôi bỏ vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và từ đó đến nay vợ chồng tôi sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Đăng Đ.

- Về con chung: Tôi và anh Đ có hai con chung; Cháu Lê Đăng Gia N, sinh ngày 21/7/2008; Cháu Lê Đăng Gia T, sinh ngày 08/01/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay, anh Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi hai con chung. Nguyên vọng của tôi là xin nhận chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Đăng Gia T, tôi không yêu cầu anh Đ trợ cấp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bản tự khai ngày 30/11/2017, biên bản hòa giải ngày 07/3/2018, bị đơn anh Lê Đăng Đ trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Lê Đăng Đ) và chị Mai Thị H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/7/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm, đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi nghi ngờ chị H có quan hệ ngoài hôn nhân nên đã xúc phạm đến chị H và gia đình bên ngoài. Nhiều lúc không kiềm chế được bản thân, tôi đã đánh đập chị H. Đến tháng 10 năm 2016, chị H bỏ vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn chưa đến mức trầm trọng, bản thân tôi còn thương yêu vợ tôi nên tôi đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng tôi được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là; Cháu Lê Đăng Gia N, sinh ngày 21/7/2008; Cháu Lê Đăng Gia T, sinh ngày 08/01/2012. Sau khi hai vợ chồng sống ly thân tôi là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, cháu T. Nguyên vọng của tôi là xin nhận chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, cháu T vì lý do hiện nay chị H đang sinh sống tại Bình Dương, nơi cư trú không ổn định và đặc biệt mức thu nhập không cao nên không thể chăm sóc và đảm bảo quyền lợi cho cháu T được. Nếu Tòa án cho vợ chồng tôi ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giao hai con chung cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu chị H trợ cấp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; Tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp

luật.

Phản tranh luận:

- Nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày ý kiến tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, anh Đ nghi ngờ và ghen tuông vô cớ, anh Đ đã đánh đập, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của tôi và gia đình tôi. Hiện nay vợ chồng sống ly thân đã hơn một năm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều đó chứng minh vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Hiện nay tôi đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Phòng trọ 15m² có ba người chung sống (Tôi và hai chị công nhân ở chung một phòng), mức thu nhập mỗi tháng là 6.301.000đ. Tại thời điểm làm đơn khởi kiện tôi yêu cầu Tòa án giao cháu Lê Đăng Gia T cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên Tòa hôm nay, tôi nhận thấy với điều kiện hiện nay nếu tôi nuôi cháu T thì không bảo đảm về chỗ ở, nơi học và điều kiện nuôi dưỡng cháu T vì vậy tôi đề nghị Tòa án xem xét bảo đảm quyền lợi cho cháu T.

- Bị đơn anh Lê Đăng Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, đều thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn anh Lê Đăng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) đề nghị HĐXX tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị H và anh Lê Đăng Đ.
- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung cháu Lê Đăng Gia N, cháu Lê Đăng Gia T cho anh Lê Đăng Đ chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;
- Về cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Mai Thị H lập ngày 01/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy tại thời điểm chị Mai Thị H làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Lê Đăng Đ đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét thấy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lê Đăng Đ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng Lê Đăng Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị H xin ly hôn anh Lê Đăng Đ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Chị Mai Thị H và anh Lê Đăng Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 07/7/2008 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm, đến tháng 10 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của

chị H và anh Đ khai nhận là do anh Đ ghen tuông vô cớ, nên đã đánh đập chị H. Tháng 10 năm 2016 chị Mai Thị H bỏ vào Thành Phố Hồ Chí Minh và hiện nay cư trú tại ấp K, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 19/1/2018 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Mai Thị H và anh Lê Đăng Đ (Bút lục số 24). Kết quả ban tự quản thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cung cấp như sau: “ Sau khi đăng ký kết hôn, chị H và anh Đ sinh sống tại thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2008. Đến năm 2016, chị H và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Đ ghen tuông và đã đánh đập chị H, tháng 10/2016 chị H bỏ đi khỏi địa phương và từ đó đến nay chị H và anh Đ sống ly thân”.

Căn cứ vào kết quả xác minh cũng như lời trình bày của chị H và anh Đ đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống chị Mai Thị H và anh Lê Đăng Đ có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lê Đăng Đ ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị H nhiều lần. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tháng 10 năm 2016 chị H bỏ nhà đi và hiện nay đang sinh sống tại Bình Phước, vợ chồng sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.”

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Mai Thị H và anh Lê Đăng Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Lê Đăng Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Mai Thị H và anh Lê Đăng Đ có hai con chung, cháu Lê Đăng Gia N, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Lê Đăng Gia T sinh ngày 08/01/2012. Tại thời điểm khởi kiện, quá trình hòa giải chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Đăng Gia T; Tại phiên hòa giải anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ được chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cháu Lê Đăng Gia N, Lê Đăng Gia T, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn chị Mai Thị H:

Tại phiên đối chất ngày 12/02/2018 (Bút lục từ số 27 đến số 29) chị H xác nhận: “Khi chị H bỏ nhà đi, chị vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống được được một thời gian, do công việc không ổn định nên chị vào Bình Dương làm công nhân tại khu công nghiệp B. Tại Bình Dương, chị H đăng ký tạm trú tại ấp K, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, phòng trọ 15m² có ba người chung sống (Gồm chị H và hai nữ công nhân khác ở chung một phòng), tại công ty chị H thường xuyên làm tăng ca vào ban đêm, chị H xác nhận trong trường hợp chị H được Tòa án giao chăm sóc nuôi dưỡng cháu T thì khi chị đi làm thì sẽ để cháu T ở nhà một mình. Điều đặc biệt, hiện nay cháu T đã được 6 tuổi, chuẩn bị vào học lớp 1, nếu cháu T ở với chị, việc học của cháu ở trường nào thì hiện nay chị H chưa có phương án để nhập học cho cháu”. Xét thấy hiện nay chị H chưa có nơi ở ổn định, chị H không có phương án cụ thể về việc sẽ nhập học cho cháu T vào lớp một ở đâu, những ngày chị H làm tăng ca, chị H để cháu T ở phòng trọ một mình, khóa cửa bên ngoài là không an toàn cho cháu T. tại phiên tòa chị H xác định với mức thu nhập 6.301.000đ không đủ để chi phí cho chị và cháu T trong việc thuê riêng phòng trọ, tiền chi phí ăn uống và tiền học cho cháu T. Từ những căn cứ pháp lý trên cho thấy: Nếu giao cháu Lê Đăng Gia T cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng việc học và không bảo đảm quyền lợi của cháu T. Mặt khác sau khi Hội đồng xét xử phân tích về điều kiện nuôi con chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh Đ

chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó HĐXX bác yêu cầu xin được nuôi cháu Lê Đăng Gia T của chị Mai Thị H.

Xét về yêu cầu xin được nuôi 02 con chung của anh Lê Đăng Đ: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2017 cháu Lê Đăng Gia N xác định: Hiện nay cháu đang học lớp 4D – Trường tiểu học L, xã V. Để ổn định việc học nên cháu xin được ở với bố Lê Đăng Đ.

Để xác định điều kiện nuôi con chung của anh Lê Đăng Đ, ngày 19/1/2018 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác minh tại ban tự quản thôn 5, xã Vụ Bản (Bút lục số 23, 24) về điều kiện kinh tế hiện nay của anh Đ, kết quả ban tự quản thôn 5 cung cấp như sau: “Anh Lê Đăng Đ làm nghề thợ xây, ổn định trong công việc, ngoài ra anh Đ còn làm nông trên diện tích đất nông nghiệp trồng cây cà phê khoảng 10.000m² nên thu nhập ổn định, hiện nay anh Đ đã có nhà xây cấp 4, kể từ khi chị H bỏ đi, anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu N và Trường đảm bảo quyền lợi cho hai cháu trong việc học”.

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2015 quy định:

“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Xét thấy điều kiện hiện nay của anh Đ đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đăng Gia N, cháu Lê Đăng Gia T. Ngoài ra, anh Đ đảm bảo các điều kiện trong việc học cho hai cháu N và cháu T. Do đó để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của hai cháu, HĐXX giao hai cháu Lê Đăng Gia N, cháu Lê Đăng Gia T cho anh Đ nuôi dạy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bản tự khai ngày 30/11/2017 (Bút lục số 20), biên bản Hòa giải ngày 07/3/2018 (Bút lục số 40 đến 42) bị đơn anh Lê Đăng Đ không yêu cầu chị Mai Thị H trợ cấp tiền nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị H, anh Lê Đăng Đ không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] **Về án phí:** Chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Mai Thị H và anh Lê Đăng Đ.

- **Về nuôi con chung:**

+ Bác yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H về việc xin nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Đăng Gia T.

+ Giao hai con chung: Cháu Lê Đăng Gia N, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Lê Đăng Gia T, sinh ngày 08/01/2012 cho anh Lê Đăng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N, cháu T đủ 18 tuổi.

+ Anh Lê Đăng Đ không yêu cầu chị Mai Thị H trợ cấp tiền nuôi con chung nên không đề cập đến để giải quyết.

+ Chị Mai Thị H được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Mai Thị H, anh Lê Đăng Đ không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị

Nguyễn Thị T nộp thay cho chị H tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2016/0002438 ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Nguyên đơn chị Mai Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Lê Đăng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS h.P;
- Các đương sự;
- LưuHS;
- UBND xã K – huyện K.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Quang Vinh